

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng E205
Môn thi: Kỹ năng nói **Ca thi:** 13h00 **Ngày thi:** 17/05/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0001	Đỗ Thanh	An	12/9/1987				
2	TA0002	Nguyễn Trường	An	16/3/1999				
3	TA0003	Bùi Hoài	Anh	21/07/2000				
4	TA0004	Đào Bá Tuấn	Anh	23/11/1993				
5	TA0005	Lâm Đức	Anh	15/9/2000				
6	TA0006	Lê Đức	Anh	25/1/2000				
7	TA0007	Lưu Thị Vân	Anh	8/5/2000				
8	TA0008	Nguyễn Hoàng	Anh	31/1/2000				
9	TA0009	Nguyễn Mai	Anh	1/12/2000				
10	TA0010	Nguyễn Tuấn	Anh	19/8/2000				
11	TA0011	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	26/3/1999				
12	TA0012	Phạm Việt Quốc	Anh	7/12/2000				
13	TA0013	Trần Ngọc Thế	Anh	21/4/2000				
14	TA0014	Lê Ngọc	Ánh	14/11/2000				
15	TA0015	Bùi Danh	Bảo	9/8/1999				
16	TA0016	Phạm Văn Thành	Cao	1/7/2000				
17	TA0017	Nguyễn Thị Minh	Châm	15/1/2000				
18	TA0018	Vũ Thị Minh	Chi	25/5/2000				
19	TA0019	Lê Huy Việt	Chiến	26/09/1999				
20	TA0020	Phạm Minh	Chiêu	21/10/1999				
21	TA0021	Đặng Thành	Công	6/9/1999				
22	TA0022	Đặng Tuấn	Cường	8/12/1999				
23	TA0023	Lê Việt	Cường	1/6/1999				
24	TA0024	Lương Văn	Cường	21/11/1999				
25	TA0025	Lương Việt	Cường	15/6/1999				
26	TA0026	Nguyễn Công	Cường	6/1/2000				
27	TA0027	Nguyễn Hữu	Cường	22/2/1998				
28	TA0028	Nguyễn Văn	Cường	18/11/1999				
29	TA0029	Nguyễn Đình	Đại	24/11/1999				
30	TA0030	Hoàng Sỹ	Đạo	16/9/1999				

31	TA0031	Trần	Đạt	20/11/2000				
32	TA0032	Nguyễn Hồng	Diệp	19/01/1986				
33	TA0033	Nguyễn Thuý	Định	30/9/2000				
34	TA0034	Lê Trung	Đông	8/11/1999				
35	TA0035	Đàm Trung	Đức	28/6/1999				
36	TA0036	Đỗ Hồng	Đức	2/7/1999				
37	TA0037	Đoàn Huy	Đức	9/11/2000				
38	TA0038	Hoàng Minh	Đức	5/7/1999				
39	TA0039	Nguyễn Đình	Đức	14/10/1999				
40	TA0040	Nguyễn Nghiêm	Đức	28/3/1999				
41	TA0041	Nguyễn Trung	Đức	2/11/2000				
42	TA0042	Nguyễn Việt	Đức	27/9/1999				
43	TA0043	Nguyễn Ngọc	Dung	22/6/2000				
44	TA0044	Nguyễn Thị	Được	4/5/1999				
45	TA0045	Lê Hoàng	Dương	27/6/1999				
46	TA0046	Nguyễn Đình Đức	Dương	10/4/1999				
47	TA0047	Nguyễn Thị Thuý	Dương	8/9/2000				
48	TA0048	Tổng Minh	Dương	22/1/1999				
49	TA0049	Đặng Văn	Duy	13/8/1999				
50	TA0050	Nguyễn Đình	Duy	7/11/1999				
51	TA0051	Vũ Khánh	Duy	10/11/1999				
52	TA0052	Cao Thị Hà	Giang	9/10/1999				
53	TA0053	Nguyễn Hà	Giang	24/7/1999				
54	TA0054	Trần Hương	Giang	18/11/2000				
55	TA0055	Lê Viết	Giáp	27/6/2000				
56	TA0056	Phạm Thị	Hà	7/3/2000				
57	TA0057	Phạm Thu	Hà	14/9/2000				
58	TA0058	Bùi Xuân	Hải	10/6/1999				
59	TA0059	Lê Ngọc	Hải	28/11/1999				
60	TA0060	Lô Văn	Hải	10/8/1998				
61	TA0061	Tạ Trọng	Hải	6/7/2000				
62	TA0062	Ngô Thuý	Hằng	1/5/2000				
63	TA0063	Nguyễn Thị Đức	Hạnh	1/11/2000				
64	TA0064	Lê Thị	Hay	17/10/2001				
65	TA0065	Dang Thị Thu	Hien	23/4/2000				
66	TA0066	Lê Thu	Hiền	19/10/2000				
67	TA0067	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	7/10/2000				
68	TA0068	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/10/1999				
69	TA0069	Nguyễn Thị Thu	Hiền	13/09/1999				
70	TA0070	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	3/1/2000				

71	TA0071	Trần Ngọc	Hiệp	19/1/1999				
72	TA0072	Trương Đình	Hiệp	2/7/2000				
73	TA0073	Đỗ Trung	Hiếu	11/11/2000				
74	TA0074	Hoàng Trọng	Hiếu	22/7/1999				
75	TA0075	Nguyễn Quang	Hiếu	10/2/2000				
76	TA0076	Nguyễn Trung	Hiếu	8/8/2000				
77	TA0077	Phạm Trung	Hiếu	16/11/2000				
78	TA0078	Phạm Huy	Hiệu	14/10/1999				
79	TA0079	Bùi Thị	Hoa	1/3/2000				
80	TA0080	Lai Thị Thanh	Hoa	30/3/1999				
81	TA0081	Pham Yen	Hoa	24/11/2000				
82	TA0082	Trần Thị	Hoa	10/5/1999				
83	TA0083	Nguyễn Thuý	Hoà	13/1/2000				
84	TA0084	Chu Thị Khánh	Hòa	4/7/2000				
85	TA0085	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	13/04/2000				
86	TA0086	Trần Đức	Hoàn	30/9/1999				
87	TA0087	Bui Huy	Hoang	22/12/2000				
88	TA0088	Dương Văn	Hoàng	30/12/1999				
89	TA0089	Nguyễn Việt	Hoàng	5/6/1999				
90	TA0090	Nguyễn Việt	Hoàng	27/09/1999				
91	TA0091	Trần Huy	Hoàng	9/9/1999				
92	TA0092	Lê Văn	Hoạt	7/5/1998				
93	TA0093	Đoàn Thu	Hồng	10/2/2000				
94	TA0094	Nguyễn Khắc	Huân	6/2/1999				
95	TA0095	Tran Thị Thu	Hue	17/4/1999				
96	TA0096	Lê Thị Phương	Huệ	5/8/2000				
97	TA0097	Ngô Thị	Huệ	7/10/2000				
98	TA0098	Phạm Văn	Hùng	17/10/2000				
99	TA0099	Bùi Quốc	Hung	11/11/1999				
100	TA0100	Lại Thị	Hung	30/12/2000				
101	TA0101	Trần Ngọc	Hung	12/8/1999				
102	TA0102	Vũ Khải	Hung	3/8/1999				
103	TA0103	Kim Thị Thu	Hương	29/5/2000				
104	TA0104	Nguyễn Thị Minh	Hương	2/10/2000				
105	TA0105	Phùng Thị Lan	Hương	1/6/2000				
106	TA0106	Chu Thị Thu	Hường	2/10/2000				
107	TA0107	Hoàng Thị	Hường	1/9/1999				
108	TA0108	Nguyễn Hữu	Hưởng	23/05/1999				
109	TA0109	Nguyễn Đình	Huy	21/02/1999				
110	TA0110	Nguyen Van	Huy	26/6/1999				

111	TA0111	Nguyễn Văn	Huy	9/8/1999				
112	TA0112	Phạm Quang	Huy	11/11/1999				
113	TA0113	Bùi Thị Thu	Huyền	15/10/2000				
114	TA0114	Đỗ Thị Khánh	Huyền	13/12/2000				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)